

THÔNG TIN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT BỊ ẢNH HƯỞNG
DỰ ÁN: TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số: 1271 ngày 13/8/2026 của UBND phường Đông Kinh)

Số TT	Số HS	Họ Và Tên	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Nơi ở hiện nay	Số điện thoại	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	22	ông Hứa Văn Nghiệp		Đồng Trong, xã Tân Thành, tỉnh Lạng Sơn			
2	23	ông Phùng Tiến Quân		Khu 1 Đồng Xuân, xã Xuân Viên, tỉnh Phú Thọ			
3	32	ông Vũ Chí Dân		Số 32/4B đường Phai Vệ, khối 3, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn			
4	87	ông Nguyễn Tuấn Hòe		Phường Cảnh Thụy, tỉnh Bắc Ninh			
5	88	ông Ngô Quang Thưởng		Tổ Mai Sầu, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh			
6	90	ông Đinh Ngọc Anh		Số 28, đường Phan Chu Chinh, khối 13, phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn			
		Tổng cộng					

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 1271 ngày 13/8/2026 của UBND phường Đông Kinh)

Số TT	Số HS	Họ Và Tên	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ		
				Giá trị hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm	Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7
1	22	ông Hứa Văn Nghiệp	1.400.000	0	0	1.400.000
2	23	ông Phùng Tiến Quân	1.400.000	0	0	1.400.000
3	32	ông Vũ Chí Dân	1.400.000	0	0	1.400.000
4	87	ông Nguyễn Tuấn Hòa	1.586.200	0	0	1.586.200
5	88	ông Ngô Quang Thưởng	1.569.400	0	0	1.569.400
6	90	ông Đinh Ngọc Anh	10.536.600	1.942.200	7.200.000	1.394.400
		Tổng cộng	17.892.200	1.942.200	7.200.000	8.750.000

BẢNG TÍNH 1: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT
DỰ ÁN: TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số: 1271 ngày 13/8/2026 của UBND phường Đông Kinh)

STT	Số HS	Họ và tên Địa chỉ	Theo trích đo địa chính /phiếu đo đạc chính lý				Theo bản đồ địa chính					Nguồn gốc đất	Căn cứ bồi thường	Diện tích đủ điều kiện bồi thường (m2)		Loại đất-khu vực	Khu vực/vị trí	Giá trị bồi thường đất (đơn giá theo Thông báo số 739a/TB-HĐTĐGD ngày 23/6/2026)		Ghi chú
			Mảnh trích đo/ tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Tờ BD Mai Pha	Tờ BD DK mới	Thửa số	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất			Tổng cộng						
															RSX			Đơn giá (VNĐ/m2)	Thành tiền (VNĐ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	18	19	20	21	22=15*21 SUM	23
1	22	ông Hứa Văn Nghiệp	TĐ28-2019	501	100,00	ONT	45	132	501	100,00	ONT	GCN QSDĐ số CS-03056 cấp ngày 24/2/2016 Quyết định số 24/QĐ-CNVĐKDĐĐ ngày 27/7/2026	Điểm a, khoản 2, Điều 95 Luật Đất đai năm 2024	100,00	100,0	RSX	KV I	14.000	1.400.000	
2	23	ông Phùng Tiến Quân	TĐ28-2019	499	100,00	ONT	45	132	499	100,00	ONT	GCN QSDĐ số CS-03054 cấp ngày 24/2/2016 Quyết định số 23/QĐ-CNVĐKDĐĐ ngày 27/7/2026	Điểm a, khoản 2, Điều 95 Luật Đất đai năm 2024	100,00	100,0	RSX	KV I	14.000	1.400.000	
3	32	ông Vũ Chí Dân	TĐ28-2019	503	100,00	ONT	45	132	503	100,00	ONT	GCN QSDĐ số CS-03058 cấp ngày 24/2/2016 Quyết định số 25/QĐ-CNVĐKDĐĐ ngày 27/7/2026	Điểm a, khoản 2, Điều 95 Luật Đất đai năm 2024	100,00	100,0	RSX	KV I	14.000	1.400.000	
4	87	ông Nguyễn Tuấn Hòa	TĐ28-2019	502	113,30			132		113,30		GCN QSDĐ số CS-03057 cấp ngày 24/2/2016 Quyết định số 27/QĐ-CNVĐKDĐĐ ngày 27/7/2026	Điểm a, khoản 2, Điều 95 Luật Đất đai năm 2024	113,30	113,30				1.586.200	
					68,20	ONT	45	132	502	68,20	ONT	68,20		68,2	RSX	KV I	14.000	954.800		
					45,10	RTS	45	132	270b.2	45,10	RTS	45,10		45,1	RSX	KV I	14.000	631.400		
5	88	ông Ngô Quang Thưởng	TĐ28-2019	504	112,10			132		112,10		GCN QSDĐ số CS-03059 cấp ngày 24/2/2016 Quyết định số 28/QĐ-CNVĐKDĐĐ ngày 28/7/2026	Điểm a, khoản 2, Điều 95 Luật Đất đai năm 2024	112,10	112,10				1.569.400	
					72,10	ONT	45	132	504	72,10	ONT	72,10		72,1	RSX	KV I	14.000	1.009.400		
					40,00	RST	45	132	270b.3	40,00	RST	40,00		40,0	RSX	KV I	14.000	560.000		
6	90	ông Đinh Ngọc Anh	TĐ28-2019	500	99,60					99,60		GCN QSDĐ số CS-03055 cấp ngày 24/2/2016 Quyết định số 26/QĐ-CNVĐKDĐĐ ngày 27/7/2026	Điểm a, khoản 2, Điều 95 Luật Đất đai năm 2024	99,60	99,60				1.394.400	
					64,30	ONT	45	132	500	64,30	ONT	64,30		64,3	RSX	KV I	14.000	900.200		
					35,30	RTS	45	132	270b.1	35,30	RTS	35,30		35,3	RSX	KV I	14.000	494.200		
		Tổng Cộng			625,00					625,00				625,00	625,00				8.750.000	

BẢNG TÍNH 2: HỖ TRỢ ĐÀO TẠO CHUYÊN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM
DỰ ÁN: TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số: 1271 ngày 13/8/2026 của UBND phường Đông Kinh)

STT	Số HS	Họ và tên Địa chỉ	Theo trích đo địa chính /phiếu đo đạc chính lý				Theo bản đồ địa chính					Cơ sở hỗ trợ	Diện tích đủ điều kiện hỗ trợ (m2)	Loại đất-khu vực	Khu vực/vị trí	Giá trị hỗ trợ, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm			Ghi chú
			Mảnh trích đo/tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích thu hồi (m²)	Loại đất	Tờ BĐ Mai Pha	Tờ BĐ ĐK mới	Thửa số	Diện tích thu hồi (m²)	Loại đất					Đơn giá theo Nghị quyết 48/2025/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 (VNĐ)	Số lần	Thành tiền (VNĐ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	19	20	21		22=15*21	23
1	22	ông Hứa Văn Nghiệp	TĐ28-2019	501	100,00	ONT	45	132	501	100,00	RTS	Trên đất có nhà và công trình vật kiến trúc, không hỗ trợ do sử dụng sai mục đích							
2	23	ông Phùng Tiến Quân	TĐ28-2019	499	100,00	ONT	45	132	499	100,00	RTS	Chưa có văn bản xác định đối tượng tượng hỗ trợ, tạm thời chưa tính	100,00	RSX	KV I	13.000	0	0	
3	32	ông Vũ Chí Dân	TĐ28-2019	503	100,00	ONT	45	132	503	100,00	RTS	Trên đất có nhà và công trình vật kiến trúc, không hỗ trợ do sử dụng sai mục đích							
4	87	ông Nguyễn Tuấn Hòa	TĐ28-2019	502	113,30			132		113,30		Trên đất có nhà và công trình vật kiến trúc, không hỗ trợ do sử dụng sai mục đích							
					68,20	ONT	45	132	502	68,20	RTS								
					45,10	RSX	45	132	270b.2	45,10	RTS								
5	88	ông Ngô Quang Thương	TĐ28-2019	504	112,10			132		112,10		Trên đất có nhà và công trình vật kiến trúc, không hỗ trợ do sử dụng sai mục đích							
					72,10	ONT	45	132	504	72,10	RTS								
					40,00	RSX	45	132	270b.3	40,00	RTS								
6	90	ông Đinh Ngọc Anh	TĐ28-2019	500	99,60					99,60		Công văn số 722/BHXH-CĐBHXH ngày 25/5/2026	99,60					1.942.200	
					64,30	ONT	45	132	500	64,30	RTS		64,30	RSX	KV I	13.000	1,5	1.253.850	
					35,30	RSX	45	132	270b.1	35,30	RTS		35,30	RSX	KV I	13.000	1,5	688.350	
		Tổng Cộng			625,00					625,00			199,60					1.942.200	

BẢNG TÍNH 3: HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT
DỰ ÁN: TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số: 1271 ngày 13/8/2026 của UBND phường Đông Kinh)

Số TT	Số HS	Họ Và Tên	Tổng số nhân khẩu	Nhân khẩu được hỗ trợ	Mức hỗ trợ kg gạo /tháng	Đơn giá (VNĐ/Kg)	Tỷ lệ % mất đất	Văn bản xác nhận tỷ lệ thu hồi đất	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Di chuyển chỗ ở	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=5*6*7*9	12
1	90	ông Đinh Ngọc Anh	1	1	30	20.000	100,0%	- Biên bản rà soát ngày 20/10/2025 - Công văn số 722/BHXXH-CĐBHXH ngày 25/5/2026	12	Không	7.200.000	
		Tổng Cộng									7.200.000	

Đơn giá hỗ trợ gạo theo Thông báo số 211/TB-STC ngày 13/7/2026 của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn.